

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu rau quả tiềm năng

+ Tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2021.

+ Động lực tăng trưởng xuất khẩu rau quả của Việt Nam phụ thuộc vào các thị trường Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu sang các thị trường trên còn ở mức thấp.

+ Thị phần mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 5,18% trong quý I/2022, cao hơn so với thị phần 4,73% trong quý I/2021.

Tháng 5/2022, hoạt động xuất, nhập khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam nhìn chung vẫn diễn ra khá ảm đạm do xuất khẩu giảm. Số liệu thống kê cho thấy, tháng 5/2022, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều mặt hàng rau quả đạt 429 triệu USD, giảm 9,7% (tương đương mức giảm 46,15 triệu USD) so với tháng 4/2022 và giảm 5,5% (tương đương mức giảm 24,8 triệu USD) so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều mặt hàng rau quả của Việt Nam đạt 2,15 tỷ USD, giảm 5,7% (tương đương mức giảm 130,68 triệu USD) so với cùng kỳ năm 2021.

Số liệu thống kê trên cho thấy, ngành hàng rau quả của Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn do căng thẳng địa chính trị và dịch Covid-19 tại Trung Quốc. Trong khi đó, mặc dù tốc độ xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường Mỹ, EU, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng trưởng khá cao, song các rào cản thương mại với những quy định mới về chất lượng, vùng trồng, xuất xứ hàng hóa đang là lực cản đối với ngành hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam.

Đối với thị trường Hàn Quốc, mặc dù đây là thị trường xuất khẩu truyền thống mặt hàng rau quả của Việt Nam và có tốc độ tăng trưởng trong những tháng đầu năm 2022, tuy nhiên, trị giá xuất khẩu vẫn đạt mức thấp. Một trong những nguyên nhân chính là do ngành hàng rau quả của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu khắt khe từ phía Hàn Quốc.

Mặc dù thị trường rau quả của Hàn Quốc còn nhiều dư địa cho doanh nghiệp Việt Nam nhưng là thị trường yêu cầu khắt khe, mức độ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cao và rào cản kỹ thuật nghiêm ngặt.

Đối với các sản phẩm trái cây, hoa quả nhập khẩu vào Hàn Quốc, doanh nghiệp cần tìm hiểu và tuân thủ quy định hệ thống danh mục thuốc bảo vệ thực vật của nước này áp dụng từ năm 2019. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam phải tự thay đổi phương thức sản xuất hàng hóa từ đầu vào đến đầu ra để có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như quy định nhập khẩu từ thị trường này.

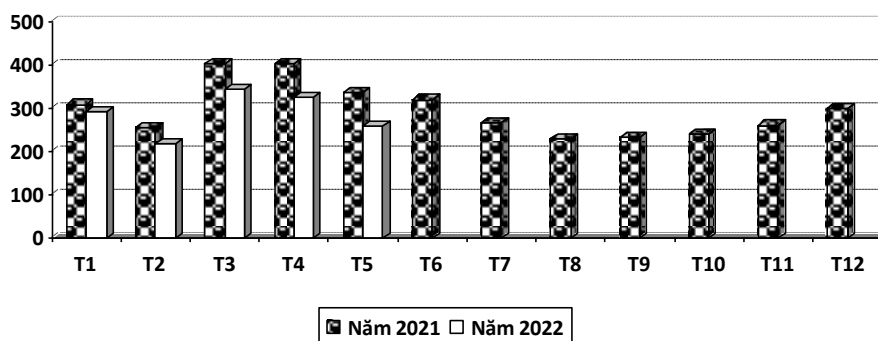
Ngoài ra, Việt Nam cần hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho nông sản, như New Zealand có thương hiệu kiwi, Hà Lan có thương hiệu cam, Philippines có thương hiệu chuối.

Về xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt 258,4 triệu USD, giảm 21% so với tháng 4/2022 và giảm 23,3% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 1,42 tỷ USD, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng năm 2021 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)



(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Cơ cấu thị trường xuất khẩu

Tháng 5/2022 và 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang một số thị trường truyền thống giảm so với cùng kỳ năm 2021, như: Trung Quốc, UAE, Malaysia. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang các thị trường khác tăng, gồm: Nhật Bản, thị trường Đài Loan, Hàn Quốc, Đài Loan, Hà Lan, Lào.

Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy, tháng 5/2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 100,55 triệu USD, giảm 41,7% so với tháng 4/2022 và giảm 46,2% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 722,17 triệu USD, giảm 31,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm 50,64% trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với tỷ trọng 61,7% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Mặc dù một số thành phố của Trung Quốc đã dỡ bỏ lệnh phong tỏa, tuy nhiên hoạt động thông quan mặt hàng rau quả sang thị trường này vẫn diễn ra khá chậm.

Tháng 5/2022, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang nhiều thị trường chủ lực giảm, gồm: Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông. Mặc dù vậy, trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang các thị trường trên ghi nhận mức tăng trưởng khả quan.

Tháng 5/2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Mỹ đạt 22,36 triệu USD, giảm 11,2% so với tháng 4/2022 và giảm 9,3% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Mỹ đạt trên 109 triệu USD, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Mỹ chiếm 7,64% tổng kim ngạch trong 5 tháng đầu năm 2022, cao hơn so với tỷ trọng 4,82% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Đối với Liên minh châu Âu (EU), mặt hàng rau quả của Việt Nam có nhiều dư địa để đẩy mạnh xuất khẩu. Số liệu thống kê cho thấy, tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hà Lan tăng trưởng khả quan với mức tăng 9,6% so với tháng 4/2022 và tăng 44,8% so với tháng 5/2021, đạt 10,32 triệu USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Hà Lan tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 36,7 triệu USD. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Đức tháng 5/2022 tăng 13,4% so với tháng 4/2022 và tăng 9,1% so với tháng 5/2021, đạt trên 2 triệu USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Đức tăng 42,2% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 9,44 triệu USD.

Mặc dù ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, song trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EU vẫn ở mức thấp, chưa tương xứng với nhu cầu nhập khẩu. Bởi thị trường EU có những tiêu chuẩn khắt khe, ngành hàng rau quả của Việt Nam cần có lộ trình để đáp ứng được yêu cầu khắt khe của thị trường này.

Bên cạnh đó, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, thị trường Đài Loan, Lào là các thị trường được đánh giá có nhiều tiềm năng đối với ngành hàng rau quả nước ta. Lợi thế của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả nhanh chóng tiếp cận thị trường thế giới khi nhu cầu phục hồi nhanh chóng. Tuy nhiên, ngành hàng rau quả của Việt Nam cần nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Thị trường xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 5 và 5 tháng 2022

Thị trường	Tháng 5/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2022 (%)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Tổng	258.402	-21,0	-23,3	1.426.994	-16,3	100,00	100,00
Trung Quốc	100.553	-41,7	-46,2	722.173	-31,4	50,61	61,70
Mỹ	22.357	-11,2	-9,3	109.071	32,8	7,64	4,82
Hàn Quốc	16.747	-10,7	12,9	76.980	18,0	5,39	3,83
Nhật Bản	17.780	22,6	11,5	67.896	8,4	4,76	3,67
Đài Loan	14.412	58,7	37,6	44.388	18,5	3,11	2,20
Thái Lan	10.093	45,4	52,7	43.633	-18,3	3,06	3,13
Australia	6.854	3,2	-26,6	37.224	9,3	2,61	2,00
Hà Lan	10.326	9,6	44,8	36.691	22,5	2,57	1,76
Hồng Kông	6.300	-19,5	-19,8	24.023	0,6	1,68	1,40
UAE	3.431	-30,2	-23,8	21.292	-9,0	1,49	1,37
Nga	5.020	29,4	-38,4	20.053	-41,4	1,41	2,01
Malaysia	3.502	-20,2	19,4	18.909	-10,4	1,33	1,24
Lào	8.993	61,7	116,9	18.287	73,4	1,28	0,62
Singapore	3.181	-11,4	21,4	16.682	7,2	1,17	0,91
Pháp	2.245	-24,0	-40,3	15.565	-20,2	1,09	1,14
Canada	3.384	8,4	-3,7	13.928	4,3	0,98	0,78

Thị trường	Tháng 5/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2022 (%)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Campuchia	1.515	-21,3	200,4	11.680	6,3	0,82	0,64
Đức	2.069	13,4	9,1	9.446	42,2	0,66	0,39
Anh	1.471	5,9	-11,1	6.424	-1,2	0,45	0,38
Ả Rập Xê út	782	-44,9	84,1	5.254	10,9	0,37	0,28
Âi Cập	177	-13,5	-87,8	4.910	-51,4	0,34	0,59
Italia	237	-70,8	12,1	4.639	125,5	0,33	0,12
Indonesia	475	24,9	119,8	2.445	45,4	0,17	0,10
Xê-nê-gan	417	-12,4	140,1	1.774	117,4	0,12	0,05
Thụy Sĩ	135	-44,4	-62,0	1.354	-36,8	0,09	0,13
Na Uy	139	-35,5	-53,9	946	-29,6	0,07	0,08
Côoét	94	86,5	-54,2	607	-74,0	0,04	0,14
Ucraina				461	-80,1	0,03	0,14
Thị trường khác	15.716	-16,6	-0,4	90.258	20,2	6,33	4,40

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Dung lượng thị trường nhập khẩu Hàn Quốc và thị phần của Việt Nam

Hàn Quốc là một trong những thị trường xuất khẩu truyền thống mặt hàng rau quả của Việt Nam. Tốc độ xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tăng trưởng khả quan trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022. Đây là tín hiệu tích cực trong bối cảnh xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, Thái Lan giảm.

Theo ITC, nhập khẩu hàng rau, củ, quả (HS 07, 08, 20) của Hàn Quốc trong quý I/2022 đạt 1,07 tỷ USD, tăng 14,4% so với quý IV/2021 và tăng 4,5% so với quý I/2021.

Cơ cấu nguồn cung hàng rau, củ, quả cho Hàn Quốc tập trung chủ yếu từ các thị trường Trung Quốc, Mỹ, Chilê, Pê ru, Philippin, Việt Nam. Trong đó, nhập khẩu rau quả của Hàn Quốc từ Trung Quốc, Việt Nam giảm so với quý IV/2021, nhưng từ các nguồn cung chính khác tăng.

Quý I/2022, Hàn Quốc nhập khẩu mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 07, 08, 20) từ Trung Quốc đạt 294,85 triệu USD, giảm 6,5% so với quý IV/2021, nhưng tăng 7,5% so với quý I/2021. Thị phần mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Trung Quốc trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 27,57% trong quý I/2022, thấp hơn so với thị phần 33,73% trong quý IV/2021, nhưng cao hơn so với thị phần 26,8% trong quý I/2021.

Quý I/2022, Hàn Quốc nhập khẩu mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 07, 08, 20) từ Việt Nam đạt 55,44 triệu USD, giảm 2,0% so với quý IV/2021, nhưng tăng 14,6% so với quý I/2021. Thị phần mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 5,18% trong quý I/2022, thấp hơn so với thị phần 6,05% trong quý IV/2021, nhưng cao hơn so với thị phần 4,73% trong quý I/2021.

Một số nguồn cung hàng rau quả cho Hàn Quốc trong quý I/2022

Thị trường	Quý I/2022 (nghìn USD)	So với quý IV/2021 (%)	So với quý I/2021 (%)	Thị phần (%)		
				Quý I/2022	Quý IV/2021	Quý I/2021
Tổng	1.069.407	14,4	4,5	100,00	100,00	100,00
Trung Quốc	294.852	-6,5	7,5	27,57	33,73	26,80
Mỹ	282.718	27,6	-3,0	26,44	23,71	28,47
Chilê	87.772	97,1	-9,5	8,21	4,76	9,48
Pêru	85.411	83,6	63,0	7,99	4,98	5,12
Philippin	69.230	8,6	-7,0	6,47	6,82	7,27
<i>Việt Nam</i>	<i>55.442</i>	<i>-2,0</i>	<i>14,6</i>	<i>5,18</i>	<i>6,05</i>	<i>4,73</i>
Thái Lan	43.512	31,9	18,1	4,07	3,53	3,60
Tây Ban Nha	18.672	6,1	14,6	1,75	1,88	1,59

Thị trường	Quý I/2022 (nghìn USD)	So với quý IV/2021 (%)	So với quý I/2021 (%)	Thị phần (%)		
				Quý I/2022	Quý IV/2021	Quý I/2021
Australia	13.064	11,6	-37,4	1,22	1,25	2,04
Bỉ	11.908	31,5	139,1	1,11	0,97	0,49
New Zealand	10.694	-47,4	13,6	1,00	2,17	0,92

(Nguồn: ITC)

(*) Ghi chú: HS 07 Rau ăn được và một số loại củ; HS 08 Quả và hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dứa; HS 20 Chế phẩm từ rau, trái cây, quả hạch hoặc các bộ phận khác của thực vật

Hiện có 6 loại trái cây tươi của Việt Nam đã được phép xuất khẩu chính thức vào thị trường Hàn Quốc gồm: dưa, dưa, thanh long ruột trắng, thanh long ruột đỏ, xoài, chuối. Tuy nhiên, thị phần mặt hàng rau quả của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm tỷ trọng thấp.

Theo ITC, kim ngạch nhập khẩu trái chuối của Hàn Quốc trong quý I/2022 đạt xấp xỉ 63 triệu USD, tăng 1,7% so với quý IV/2021, nhưng giảm 8,5% so với quý I/2021. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu chuối của Hàn Quốc từ Việt Nam đạt 2,97 triệu USD trong quý I/2022, thị phần chiếm 4,72% tổng kim ngạch. Trái chuối của Việt Nam chịu sự cạnh tranh mạnh với chuối Philippines, thị phần chiếm 75,1% trong quý I/2022.

Một số nguồn cung chuối (HS 0803) cho Hàn Quốc trong quý I/2022

Thị trường	Quý I/2022 (nghìn USD)	So với quý IV/2021 (%)	So với quý I/2021 (%)	Thị phần (%)		
				Quý I/2022	Quý IV/2021	Quý I/2021
Tổng	62.972	1,7	-8,5	100,00	100,00	100,00
Philippin	47.291	14,5	-11,1	75,10	66,70	77,28
Êcuado	3.510	1,6	19,3	5,57	5,58	4,27
Côlômbia	3.141	-41,9	-31,6	4,99	8,73	6,67
Pêru	3.060	-13,5	-18,4	4,86	5,71	5,45
<i>Việt Nam</i>	<i>2.970</i>	<i>-25,9</i>	<i>201,2</i>	<i>4,72</i>	<i>6,47</i>	<i>1,43</i>

(Nguồn: ITC)

Về nhập khẩu:

Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 5/2022, kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả về Việt Nam đạt 171,51 triệu USD, tăng 15,1% so với tháng 4/2022 và tăng 45,5% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả về Việt Nam đạt 722,35 triệu USD, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm 2021.

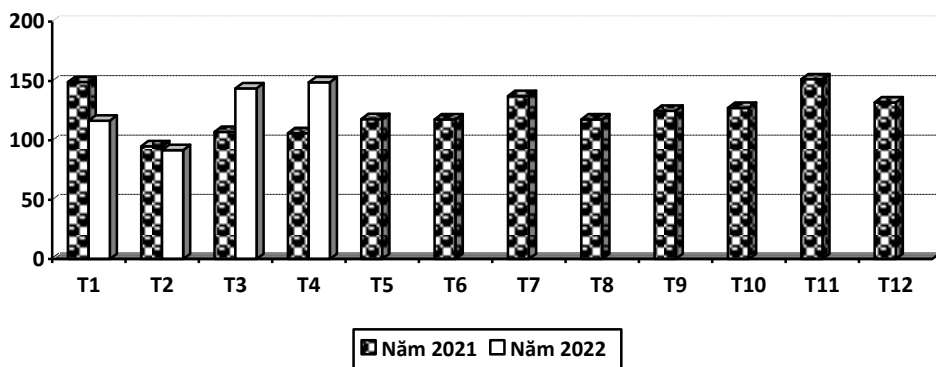
Cơ cấu nguồn cung mặt hàng rau quả cho Việt Nam chủ yếu từ Trung Quốc, Mỹ, Australia. Trong tháng 5/2022 so với tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc giảm, nhưng tăng từ Mỹ. So với tháng 5/2021, kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc tăng mạnh, nhưng từ Mỹ giảm. Số liệu thống kê cho thấy:

Tháng 5/2022, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 55,14 triệu USD, giảm 9% so với tháng 4/2022, nhưng tăng 95,7% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả từ Trung Quốc về Việt Nam đạt 255,9 triệu USD, tăng 55,3% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần mặt hàng rau quả của Trung Quốc trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam chiếm 35,42% trong 5 tháng đầu năm 2022, cao hơn so với thị phần 28,68% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 5/2022 tăng trở lại với mức tăng 10,4% so với tháng 4/2022, nhưng giảm 24,2% so với tháng 5/2021, đạt 23 triệu USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả từ Mỹ về Việt Nam giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 120,4 triệu USD. Thị phần mặt hàng rau quả của Mỹ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam chiếm 16,67% trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với thị phần 22,98% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng năm 2021 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)



(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Thị trường nhập khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022

Nguồn cung	Tháng 5/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2022 (%)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Thị phần (%)	
						5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Tổng	171.513	15,1	45,5	722.358	25,8	100,00	100,00
Trung Quốc	55.144	-9,0	95,7	255.888	55,3	35,42	28,68
Mỹ	23.008	10,4	-24,2	120.396	-8,8	16,67	22,98
Australia	21.706	84,1	102,0	70.990	57,3	9,83	7,86
Myanma	11.045	14,6	83,5	51.478	15,8	7,13	7,74
New Zealand	22.493	160,2	59,9	39.228	36,9	5,43	4,99
Nam Phi	6.000	-21,8	168,0	29.616	86,3	4,10	2,77
Campuchia	5.758	-1,1	14,3	29.377	17,8	4,07	4,34
Hàn Quốc	3.534	-35,6	65,5	26.243	54,8	3,63	2,95
Thái Lan	2.506	8,8	-37,4	12.609	-40,1	1,75	3,67
Ấn Độ	4.777	115,1	81,0	11.521	-18,4	1,59	2,46
Chilê	4.109	715,1	208,9	7.719	101,8	1,07	0,67
Canada	633	-32,7	130,3	6.359	50,5	0,88	0,74
Lào	304	123,9	-64,1	4.714	-4,2	0,65	0,86
Braxin	644	35,0	16,7	2.189	24,8	0,30	0,31
Malaysia	460	18,2	159,3	1.477	33,0	0,20	0,19
Ixraen	368	1,1	36,3	1.174	-4,4	0,16	0,21
Thị trường khác	9.024	-19,3	0,2	51.379	4,0	7,11	8,60

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Cập nhật một số lô hàng rau hoa quả và sản phẩm chế biến xuất khẩu tuần từ ngày 31/5 - 7/6/2022

Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD/tấn)	Thị trường	Cảng, ck	Đk giao
Nhóm quả và quả hạch						
Quả vải Thiều tươi	kg	6.300	5,50	Nhật Bản	Tân Vũ	C&F
Đu đủ cắt miếng dạng khối đông lạnh	kg	1.000	2,10	Tây Ban Nha	Cát Lái	CFR
Cóc đông lạnh	kg	970	2,80	Nhật Bản	Tây Nam	FOB
Chôm chôm	kg	96	11,22	Hà Lan	KV HCM	C&F
Chanh dây	kg	103	11,22	Hà Lan	KV HCM	C&F
Chanh tươi không hạt loại 1	kg	2.726	2,30	Hà Lan	Cái Mép	DAP
Chuối già tươi (Class B)	kg	142.884	0,52	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Dừa cắt hạt lựu đông lạnh	kg	4.828	3,49	Australia	Cát Lái	C&F
Dừa miếng nhỏ đông lạnh	kg	23.000	1,73	Ba Lan	Cái Mép	CFR

Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD/tấn)	Thị trường	Cảng, ck	Đk giao
Quả mít tươi	kg	23.041	0,90	Trung Quốc	Tiên Sa	C&F
Trái măng cụt	kg	200	12,13	Pháp	KV HCM	C&F
Mận đỏ	kg	233	2,50	Canada	KV HCM	FCA
Quả sầu riêng	kg	300	7,40	Thụy Điển	KV HCM	C&F
Quả tắc tươi	kg	500	1,26	Singapore	Cát Lái	C&F
Quả bơ	kg	64	11,00	UAE	KV HCM	CIF
Quả vải tươi	kg	1.200	13,71	Australia	Hà Nội	C&F
Trái đu đủ tươi	kg	80	12,37	Thụy Sĩ	KV HCM	C&F
Trái nhãn	kg	250	3,70	Canada	KV HCM	FCA
Trái thanh long tươi ruột trắng	kg	18.326	0,80	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Quả Thanh Long tươi ruột trắng giống H14	kg	149	12,00	Mỹ	KV HCM	C&F
Quả xoài tươi, giống xoài Cát Chu	kg	4.040	3,60	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Nhóm rau củ						
Đậu bắp cắt đông lạnh	kg	1.600	2,25	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Đậu Hà Lan tươi	kg	10.000	1,50	Đài Loan	Cảng Xanh	C&F
Bắp cải tươi	kg	22.968	0,30	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Bắp chuối	kg	40	15,00	Na Uy	KV HCM	C&F
Bí ngò cắt hạt lựu 1cm luộc đông lạnh	kg	3.400	2,08	Nhật Bản	Phước Long	CFR
Cây sả tươi	kg	1.845	1,16	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Củ nghệ tươi	kg	200	3,80	Canada	KV HCM	FCA
Củ riềng tươi	kg	1.128	1,40	Nhật Bản	Cảng Vict	C&F
Lá chuối tươi	kg	90	13,70	Pháp	KV HCM	C&F
Mướp đắng (khổ qua) đông lạnh thái lát	kg	500	1,45	New Zealand	Cát Lái	FOB
Ngô hạt đông lạnh	kg	25.000	1,20	Iran	Tân Vũ	FOB
Ngò gai	kg	275	2,00	Canada	KV HCM	FCA
Súp lơ xanh tươi	kg	9.504	1,20	Đài Loan	Tân Vũ	C&F
Nhóm hoa tươi						
Hoa hồng tươi	cành	2.890	0,65	Hồng Kông	KV HCM	CFR
Hoa cẩm chướng tươi	cành	3.750	0,30	Malaysia	KV HCM	CFR
Hoa thủy tiên tươi	cành	1.200	0,45	Malaysia	KV HCM	CFR
Nhóm sản phẩm đã qua chế biến						
Đậu bắp sấy giòn (B)	kg	1.147	8,30	Mỹ	Đồng Nai	FOB
Ỗi sấy dẻo	kg	2.352	2,30	Đài Loan	Cát Lái	FOB
Bắp sấy khô (dạng hạt)	kg	1.220	11,90	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Bí đỏ sấy giòn (B)	kg	82	6,40	Mỹ	Đồng Nai	C&F
Cơm dừa nạo sấy	kg	1.240	2,80	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Cà rốt sấy giòn (B)	kg	410	6,50	Mỹ	Đồng Nai	FOB
Cà tím cắt chiên đông lạnh	kg	20.930	3,09	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Chuối cắt lát chiên giòn	kg	204	6,15	Hồng Kông	Cát Lái	C&F
Khổ qua sấy giòn	kg	1.440	7,30	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Mít sấy	kg	600	4,00	Đài Loan	Cát Lái	FOB
Nước ép chanh dây	kg	27.000	1,42	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Nước ép tắc	kg	22.800	1,70	Hàn Quốc	Cát Lái	FOB

-----o0o-----

Bản tin Thông tin thương mại chuyên ngành: **Tổng hợp và Dự báo**

Số giấy phép xuất bản: 45/GP-XBBT do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

In tại: Hà Nội

Kỳ hạn xuất bản: Hàng tuần

Chịu trách nhiệm xuất bản: Lê Mai Thanh